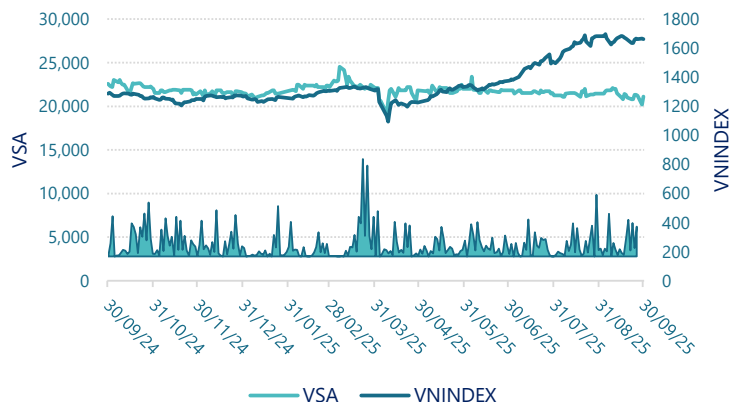




CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam (HNX: VSA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	21,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,528
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,191
SL cổ phiếu LH	14,096,486
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,500
% sở hữu nước ngoài	2.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	297
P/E	10.5
EPS	2,000

DT thuần

Q3/25

242

tỷ VNĐ

QoQ: ▼37.0| -13.3%

YoY: ▼46.0| -16.0%

LN sau thuế

Q3/25

8.18

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.11| 34.8%

YoY: ▲ 6.47| 378%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.3%

+/- YoY: ▲ 3.5%

DT thuần

9T 2025

795

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.00| -0.7%

LN sau thuế

9T 2025

22.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.20| 39.1%

ROE

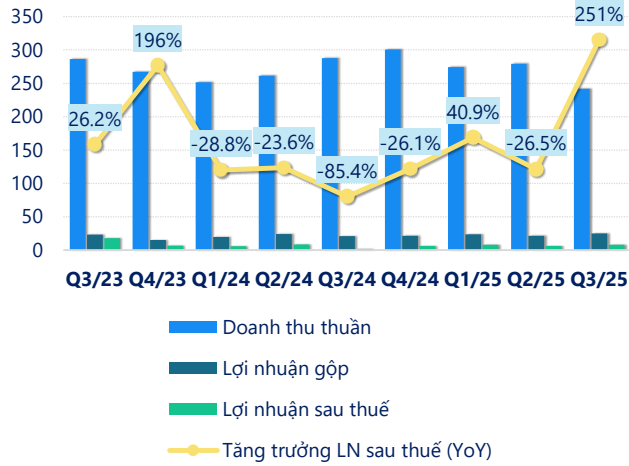
Q3/25

8.4%

+/- YoY: ▲ 2.0%

tỷ VNĐ

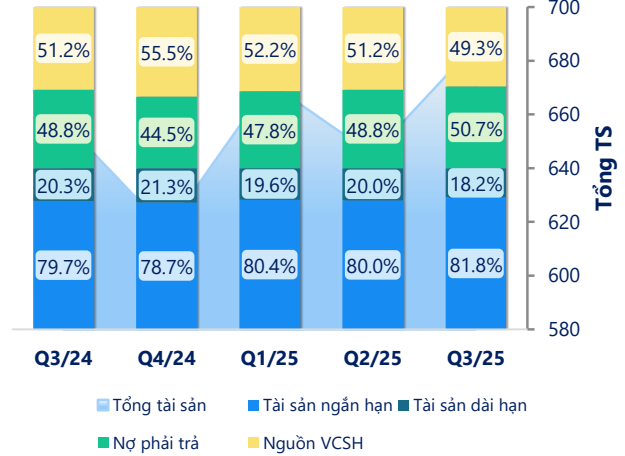
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

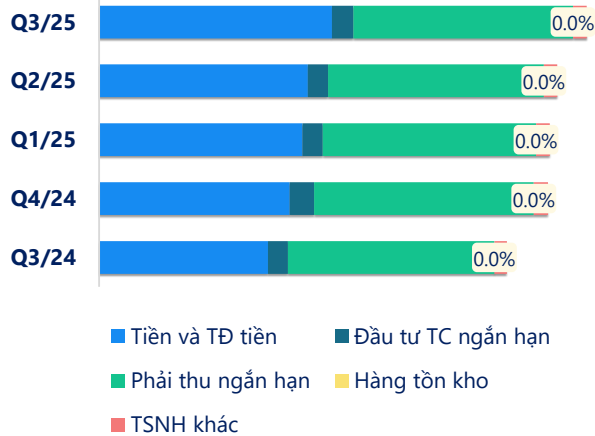
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



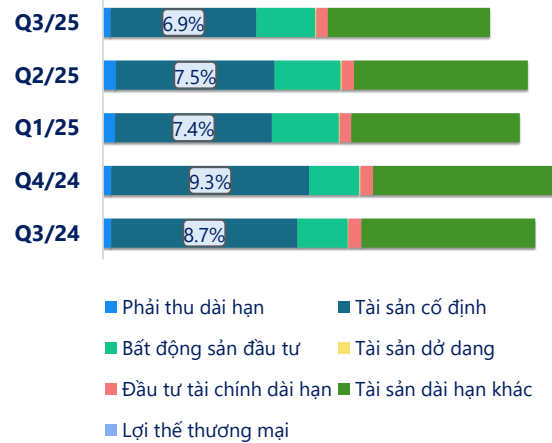
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

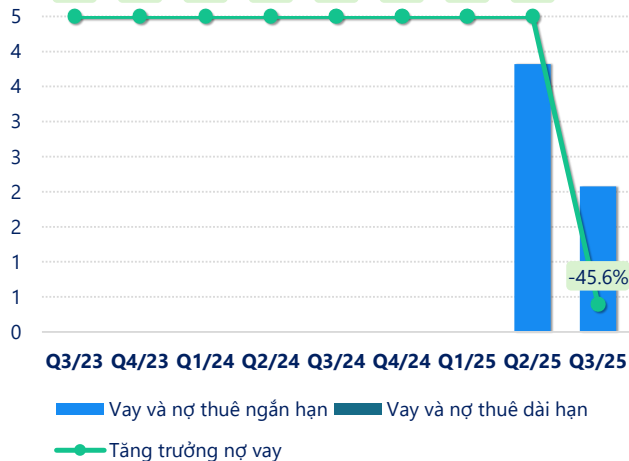
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

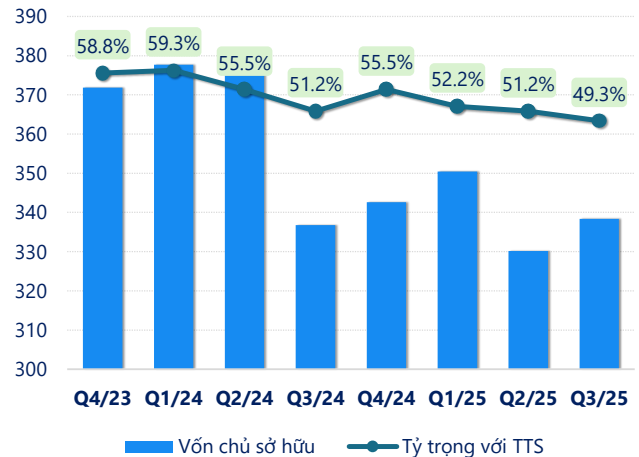
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

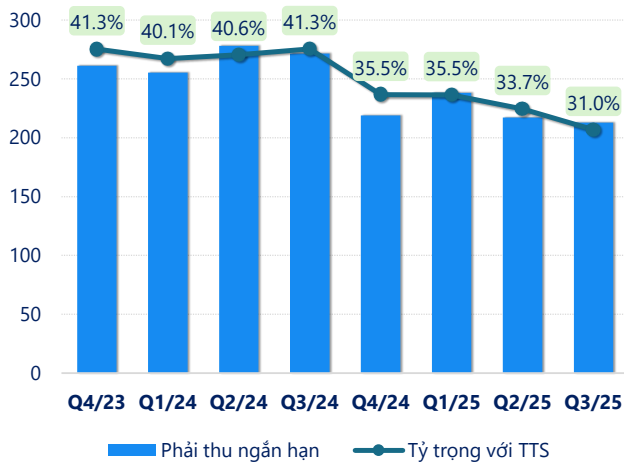
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



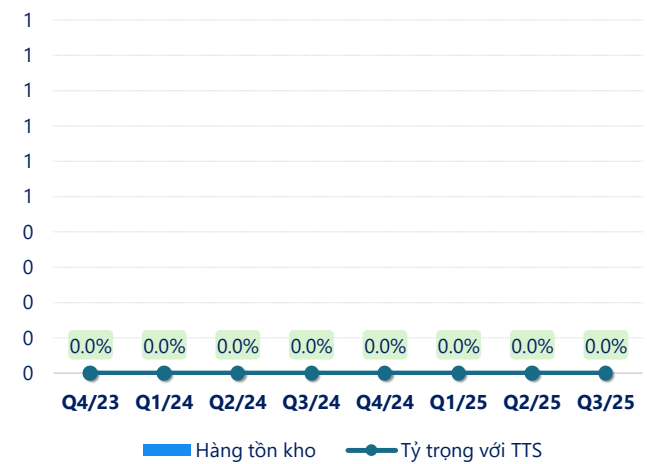
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


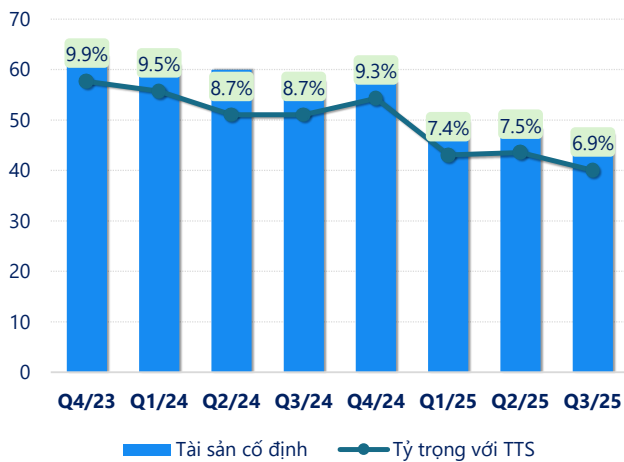
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


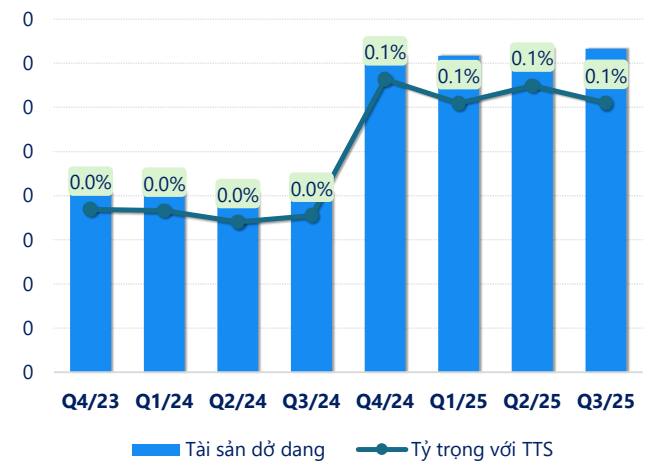
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

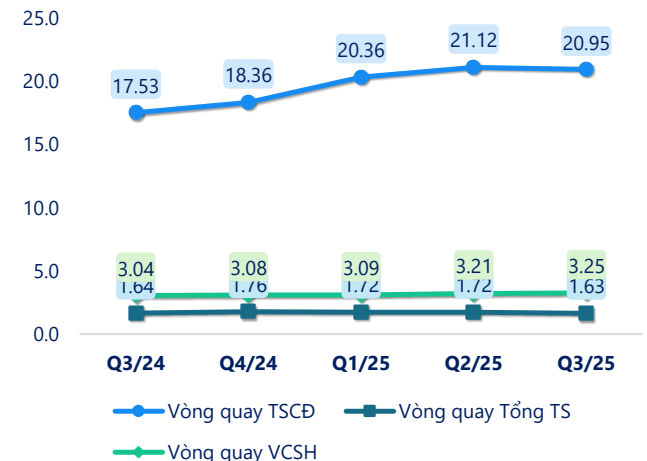
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	657	617	672	645	686
Tài sản ngắn hạn	524	486	540	516	561
Tiền và tương đương tiền	209	221	257	253	300
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.6	26.6	28.8	28.8	31.8
Phải thu ngắn hạn	272	219	238	217	213
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	16.8	18.6	16.0	17.0	16.3
Tài sản dài hạn	134	132	132	129	125
Phải thu dài hạn	2.56	2.37	3.79	3.91	2.42
Tài sản cố định	57.5	57.5	49.6	48.2	47.1
Bất động sản đầu tư	15.6	14.6	21.1	20.0	19.0
Tài sản dở dang	0.20	0.36	0.36	0.37	0.37
Đầu tư tài chính dài hạn	4.02	3.65	3.65	3.65	3.65
Tài sản dài hạn khác	53.7	53.3	53.2	52.8	52.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	321	275	321	315	348
Nợ ngắn hạn	319	273	319	313	346
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	3.82	2.08
Phải trả người bán ngắn hạn	115	106	104	99.2	82.4
Nợ dài hạn	1.77	1.82	1.94	1.94	1.94
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	337	343	350	330	338
Vốn chủ sở hữu	337	343	350	330	338
Vốn điều lệ	141	141	141	141	141
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)